

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ
phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số” với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Tăng cường hợp tác thu hút các nguồn lực vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế, tập thể, cá nhân ở nước ngoài, hỗ trợ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho vùng dân tộc thiểu số, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững, rút ngắn khoảng cách phát triển giữa các dân tộc; từng bước hình thành các trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học vùng dân tộc thiểu số; phát triển nguồn nhân lực và đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; củng cố hệ thống chính trị cơ sở và giữ vững khối đại đoàn kết các dân tộc.

b) Mục tiêu cụ thể

- Thu hút tối đa các nguồn lực từ vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), tổ chức Phi chính phủ (NGO) và trong cộng đồng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, trong đó tập trung: Phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí; đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo; đảm bảo nước sạch, vệ sinh môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; chăm sóc sức khỏe, giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; bảo tồn và phát triển văn hóa các tộc người.

- Chủ động đẩy mạnh hợp tác có hiệu quả với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế, các cá nhân nước ngoài thông qua các Đại sứ quán, cơ quan đại diện, hội nghị xúc tiến và các hoạt động đối ngoại khác.

- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về hội nhập quốc tế và xây dựng, quản lý, sử dụng các nguồn vốn viện trợ nước ngoài cho cán bộ làm nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực hợp tác đầu tư trong hệ thống cơ quan liên quan công tác dân tộc.

2. Đối tượng của Đề án

a) Đối tượng thu hút của Đề án: Chính phủ các nước; các tổ chức quốc tế song phương, đa phương; các tổ chức NGO và các cá nhân ở nước ngoài.

b) Đối tượng thụ hưởng của Đề án: Vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó ưu tiên các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn; hộ nghèo, cận nghèo và các dân tộc thiểu số rất ít người.

3. Phạm vi, thời gian thực hiện Đề án

a) Phạm vi hỗ trợ của Đề án: Hỗ trợ tài chính; kỹ thuật; tri thức, kinh nghiệm và chuyển giao khoa học, công nghệ.

b) Thời gian thực hiện Đề án: Giai đoạn 2014 - 2020.

4. Các lĩnh vực ưu tiên của Đề án

a) Phát triển giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí và xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc.

b) Đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo.

d) Đảm bảo nước sạch, vệ sinh môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

đ) Chăm sóc sức khỏe, giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và HIV/AIDS.

e) Bảo tồn, phát triển văn hóa các tộc người và bảo vệ quyền của người dân tộc thiểu số.

g) Nâng cao năng lực xây dựng chính sách cho đội ngũ cán bộ liên quan đến công tác dân tộc.

5. Yêu cầu

a) Tăng cường hợp tác quốc tế phải chú trọng hiệu quả, bền vững và an ninh, trật tự trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

b) Các nguồn lực tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết, tạo điều kiện phát huy tối đa những lợi thế về vị trí địa lý, kinh tế của địa phương.

c) Các cơ chế, chính sách mang tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với pháp luật và các cam kết quốc tế.

6. Nguồn lực thực hiện Đề án

a) Vốn viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi từ các Chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức Phi chính phủ và cá nhân ở nước ngoài.

b) Vốn đối ứng: Nguồn ngân sách; cộng đồng, tập thể, cá nhân và của các doanh nghiệp ở trong nước.

7. Các cơ chế, chính sách

a) Nhóm cơ chế, chính sách về thông tin và thủ tục hành chính

- Bổ sung, sửa đổi các văn bản pháp quy liên quan, nhằm tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư và hoạt động của các nhà tài trợ nước ngoài vào vùng dân tộc thiểu số; các thủ tục hành chính đảm bảo nhanh, gọn, đơn giản, rút ngắn thời gian phê duyệt dự án và cấp phép kịp thời.

- Cung cấp các thông tin kịp thời, chính xác nhu cầu về chương trình, dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số. Ban hành một số chính sách đặc thù nhằm thu hút tài trợ nước ngoài vào các lĩnh vực cần thiết để khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh vùng dân tộc thiểu số.

- Tăng cường phối hợp giữa chủ đầu tư dự án với các nhà tài trợ nước ngoài, giữa Bộ ngành và các địa phương để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án ở vùng dân tộc thiểu số.

b) Nhóm cơ chế, chính sách về tài chính

- Ngân sách nhà nước đảm bảo vốn đối ứng cho các chương trình, dự án có nguồn vốn viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi vào vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của các nhà tài trợ và cam kết của phía Việt Nam.

- Trên cơ sở mức miễn, giảm thuế thu nhập và hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo quy định hiện hành, các dự án đầu tư bằng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại, vốn vay ưu đãi hoặc của nhà đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số, được miễn thuế thu nhập thêm một thời gian nhất định kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, trách nhiệm và giám sát của các bên, cộng đồng trong suốt quá trình lập, triển khai và kết thúc dự án.

c) Nhóm cơ chế, chính sách về đất đai

- Nhà nước đền bù giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện chương trình, dự án từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi vào vùng dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật, trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các địa phương.

- Đảm bảo việc thực hiện theo quy định của pháp luật đối với từng loại đất sản xuất, đất rừng theo mô hình cộng đồng phù hợp với phong tục tập quán của từng vùng dân tộc thiểu số phục vụ các chương trình, dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

d) Nhóm cơ chế, chính sách về khoa học, công nghệ

- Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên chuyển giao công nghệ, bao gồm cả việc tài trợ bằng công nghệ để thực hiện các dự án tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Giá trị của công nghệ được chuyển giao hoặc dùng để hỗ trợ theo yêu cầu của các nhà tài trợ và cam kết của phía Việt Nam.

- Khuyến khích tiếp nhận chuyển giao khoa học, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm từ các nhà tài trợ nước ngoài vào vùng dân tộc thiểu số đảm bảo bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả sản xuất.

đ) Nhóm cơ chế, chính sách về quản lý và đào tạo nguồn nhân lực

- Thống nhất quản lý từ Trung ương đến địa phương các hoạt động liên quan đến các nhà tài trợ nước ngoài vào vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương trong thẩm định, phê duyệt và quản lý các chương trình, dự án có vốn đầu tư nước ngoài; xây dựng hệ thống thống kê về nguồn viện trợ và vốn vay ưu đãi vào vùng dân tộc thiểu số.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác quản lý các chương trình, dự án có nguồn vốn viện trợ nước ngoài; có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho những cán bộ có năng lực được biệt phái làm việc cho các dự án và đảm bảo được tiếp tục quay trở về cơ quan cũ làm việc, khi dự án hoàn thành.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong các dự án đầu tư từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại và vốn vay ưu đãi ở vùng dân tộc thiểu số. Khuyến khích sử dụng lao động tại vùng dân tộc thiểu số phục vụ cho các dự án; ưu tiên việc dạy nghề, đào tạo lao động tại chỗ và sử dụng những cán bộ người dân tộc thiểu số có đủ khả năng tham gia trợ giảng trong đào tạo nguồn nhân lực cho các dự án đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số.

8. Các giải pháp thực hiện

a) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy trình liên quan tới vận động, xây dựng, đàm phán, thẩm định, phê duyệt, ký kết và triển khai các dự án quốc tế liên quan tới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương tiếp nhận các dự án, đặc biệt đối với các dự án mà nguồn tài trợ đã được sẵn sàng. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhà tài trợ tiếp cận thông tin, khảo sát thực tế, đàm phán xây dựng dự án, phê duyệt dự án...

b) Trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung, theo ngành, theo lĩnh vực đã được phê duyệt; các Bộ, ngành Trung ương và địa phương xây dựng nội dung, chương trình và dự án để có kế hoạch phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam trong việc vận động tài trợ; đồng thời đảm bảo các điều kiện cần thiết để tiếp nhận, triển khai và sử dụng sau khi dự án kết thúc.

c) Tăng cường hợp tác, trao đổi, cung cấp, chia sẻ thông tin giữa các Bộ ngành, địa phương về các hoạt động đối ngoại liên quan đến các chương trình, dự án hợp tác quốc tế, hàng năm tổ chức diễn đàn cung cấp thông tin về chiến lược các nhà tài trợ, chia sẻ kinh nghiệm của các dự án trong vùng dân tộc thiểu số, hướng các nguồn viện trợ, vốn vay ưu đãi vào các lĩnh vực và địa bàn ưu tiên dành cho đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Bảo đảm đủ vốn đối ứng theo thỏa thuận giữa các bên tham gia để triển khai thực hiện chương trình, dự án; đồng thời ngân sách đảm bảo duy trì quản lý, sử dụng và mở rộng mô hình sau khi dự án kết thúc.

đ) Ưu tiên giải phóng, đền bù, tạo quỹ đất sạch cho các dự án tài trợ hoặc các dự án liên doanh ở vùng dân tộc thiểu số.

e) Trên cơ sở những qui định hiện hành về công tác đào tạo, dạy nghề, ngân sách nhà nước ưu tiên hỗ trợ thêm chi phí đào tạo, dạy nghề phục vụ các chương trình, dự án đầu tư nước ngoài vào vùng dân tộc thiểu số.

g) Đảm bảo công tác quản lý, giữ gìn an ninh, an toàn trật tự vùng dân tộc thiểu số theo quy định, tạo môi trường thuận lợi thu hút các dự án đầu tư của nước ngoài vào vùng dân tộc thiểu số theo chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

h) Thực hiện tốt các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, hợp đồng quốc tế đã ký kết; đồng thời tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác và tìm kiếm các đối tác mới để đầu tư phát triển cho vùng dân tộc thiểu số.

i) Hằng năm ngoài nguồn chi thường xuyên của các Bộ ngành và các địa phương; ngân sách nhà nước bổ sung nguồn vốn cần thiết để xây dựng các dự án, nghiên cứu, tổ chức các hoạt động cung cấp thông tin, gặp gỡ trao đổi giữa các bên tham gia và vận động các nhà tài trợ trong và ngoài nước.

k) Tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn viện trợ và vay ưu đãi. Thực hiện thường niên công tác giám sát, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh phù hợp với điều kiện và tình hình mới nhằm nâng cao hiệu quả của nguồn viện trợ và vốn vay ưu đãi.

9. Tổ chức thực hiện

a) Giao Ủy ban Dân tộc là cơ quan thường trực giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, quản lý, triển khai, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ ngành liên quan tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Đề án. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành cung cấp thông tin tới các đối tác nước ngoài quan tâm đến viện trợ vùng dân tộc thiểu số; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Đề án trình cấp có thẩm quyền giải quyết. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam hướng dẫn xây dựng các chương trình, dự án, tổng hợp và tổ chức các hoạt động xúc tiến kêu gọi tài trợ vào vùng dân tộc thiểu số. Phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cơ chế tài chính trong nước và công tác quản lý tài chính áp dụng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn viện trợ, nguồn vốn vay ưu đãi dành cho vùng dân tộc thiểu số. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về Chính phủ.

b) Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về ODA và vốn vay ưu đãi vào vùng dân tộc thiểu số. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan hướng dẫn xây dựng, thẩm định nội dung, chương trình, dự án và tổ chức xúc tiến vận động tài trợ vào vùng dân tộc thiểu số theo quy định.

c) Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và cơ quan liên quan bố trí nguồn vốn đối ứng, xây dựng cơ chế tài chính trong nước và hướng dẫn quản lý, sử dụng các nguồn vốn này.

d) Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan trong quá trình tham vấn triển khai các chương trình, dự án đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng và phù hợp với chiến lược các nhà tài trợ.

d) Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc và các cơ quan liên quan hướng dẫn xây dựng, thẩm định nội dung, chương trình, dự án và tổ chức xúc tiến vận động tài trợ nguồn vốn viện trợ từ các tổ chức Phi chính phủ vào vùng dân tộc thiểu số theo quy định.

e) Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và căn cứ mục tiêu, giải pháp của Đề án, các Bộ, ngành có trách nhiệm lồng ghép với việc thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành do Bộ, ngành mình phụ trách; đồng thời xây dựng các cơ chế, chính sách và chương trình, dự án cụ thể để thu hút, vận động các nhà tài trợ nước ngoài ưu tiên cho vùng dân tộc thiểu số thuộc phạm vi chức năng quản lý. Quản lý, giám sát và định kỳ 6 tháng và hằng năm báo cáo tình hình thực hiện phần Đề án do Bộ phụ trách gửi về Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

g) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có vùng dân tộc thiểu số chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt các chương trình, dự án có vốn viện trợ nước ngoài theo thẩm quyền, đảm bảo nhanh chóng đúng quy định, tránh chồng chéo lãng phí. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và cộng đồng tham gia trong suốt quá trình đầu tư và sử dụng sau khi kết thúc dự án. Chủ động tổ chức và huy động các nguồn lực trên địa bàn để thực hiện Đề án, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vận động và tổ chức cho cộng đồng các dân tộc thiểu số tích cực tham gia trực tiếp vào các chương trình phát triển sản xuất, xây dựng và sử dụng các công trình của cộng đồng; đồng thời tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, đào tạo tay nghề cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số nhằm duy trì và phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư, hướng tới phát triển bền vững. Định kỳ 6 tháng và hằng năm có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện Đề án và các chương trình, dự án tài trợ về Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành liên quan, để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính Phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính Phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KGVX, KTTH, KTN;
- Lưu: Văn thư, QHQT (3b). 130

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 1834/ SY-UBND

Bình Định, ngày 20 tháng 11 năm 2013

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài chính;
- Sở Lao động Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện: TS, VT, AL, VC, HA, PC;
- PVPNN, K1;
- Lưu: VT (12b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi